TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ M**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 208/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08 – 8 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ D, TỈNH CÀ M

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ D, tỉnh Cà M.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phù Thị M, sinh năm 1969; Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Đ B, xã Thanh T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Mai Việt Kh, sinh năm 1964; Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Đ B, xã Thanh T, huyện Đ D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án bà M trình bày*:

- Về hôn nhân: Bà M và ông Kh chung sống với nhau vào năm 1988, hôn nhân tự nguyện, không đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải vã và nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn gắn bó yêu thương, mỗi người đều có cuộc sống riêng và không thể tiếp tục chung sống nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông Kh.

- Về con chung: Hai con chung tên Mai Thanh Hận, sinh năm 1988 và Mai Kiều Diễm, sinh năm 1989. Hiện tại các con chung đã trưởng thành không đặt ra yêu cầu giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà M xác định tự thỏa thuận với ông Kh, không yêu cầu

Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Bà M xác định không có.

** Đối với ông Mai Việt Kh:*

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Kh biết về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà M nhưng ông Kh không có ý kiến hay yêu cầu gì và không tham gia hòa giải, xét xử tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phù Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Mai Việt Kh đã được Tòa án triệu tập tham gia xét xử đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà M và ông Kh chung sống vào năm 1988 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, bất đồng đồng quan điểm sống và cãi nhau.

Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng..."*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn hay ông, bà đồng ý ly hôn với nhau không mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp.

[3] Về con chung: Các con chung đã trưởng thành, không bị nhược điểm thể chất tinh thần, đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà M yêu cầu được tự thỏa thuận về phần tài sản, về nợ bà xác định không có. Ông Kh không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là đúng quy định.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phù Thị M và ông Mai Việt Kh.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phù Thị M phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014276 ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D (đã nộp xong).

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luậtthi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dânsự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hànhán hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thihành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà M;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đ D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Trúc